

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 52/2010/TT-BNNPTNT

*Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2010***THÔNG TƯ****Hướng dẫn khảo nghiệm, công nhận, đặt tên phân bón mới**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón; Nghị định số 191/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón;

Căn cứ Nghị định số 15/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong hoạt động sản xuất, kinh doanh phân bón;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện khảo nghiệm, công nhận và đặt tên phân bón mới như sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, phân công trách nhiệm về khảo nghiệm, công nhận, đặt tên phân bón mới và đổi tên phân bón.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân người nước ngoài có hoạt động trong lĩnh vực khảo nghiệm, công nhận, đặt tên phân bón mới và đổi tên phân bón trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài muốn đăng ký khảo nghiệm phân bón phải có Văn phòng đại diện hợp pháp tại Việt Nam. Trường hợp không có Văn phòng đại diện hợp pháp tại Việt Nam phải có hợp đồng thuê hoặc văn bản ủy quyền cho một (01) tổ chức, cá nhân khác tại Việt Nam làm đại diện hợp pháp để đăng ký khảo nghiệm.

Chương II

KHẢO NGHIỆM, CÔNG NHẬN PHÂN BÓN MỚI

Điều 3. Các loại phân bón không phải khảo nghiệm

Các loại phân bón nêu tại các khoản 2, khoản 4 Điều 7 của Quy định sản xuất kinh doanh và sử dụng phân bón ban hành kèm theo Thông tư số 36/2010/TT- BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy định sản xuất, kinh doanh và sử dụng phân bón.

Điều 4. Các loại phân bón phải khảo nghiệm

Phân bón mới sản xuất ở trong nước hoặc mới nhập khẩu thuộc các loại: phân hữu cơ, phân bón lá, phân vi sinh vật, phân hữu cơ sinh học, phân hữu cơ vi sinh, phân hữu cơ khoáng, phân có bổ sung chất điều tiết sinh trưởng, chất hỗ trợ tăng hiệu suất sử dụng phân bón, phân bón đất hiếm, chất giữ ẩm trong phân bón, chất cải tạo đất không thuộc quy định tại Điều 3 của Thông tư này và chưa có tên trong “Danh mục phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam” (sau đây gọi tắt là Danh mục phân bón).

Điều 5. Điều kiện phân bón mới được khảo nghiệm

Các loại phân bón thuộc đối tượng quy định tại Điều 4 của Thông tư này muốn được khảo nghiệm phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Các chỉ tiêu hàm lượng bắt buộc tương ứng cho từng loại phân bón phải đạt theo quy định tại điểm B, Phụ lục số 3: Hàm lượng dinh dưỡng được chấp nhận và định lượng bắt buộc đối với các yếu tố trong phân bón ban hành kèm theo Thông tư số 36/2010/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Đối với các loại phân bón đăng ký khảo nghiệm có thành phần, hàm lượng các chất dinh dưỡng tương tự như loại phân bón đã có trong Danh mục phân bón hoặc cùng một (01) đơn vị đăng ký khảo nghiệm nhiều loại phân bón có thành phần, hàm lượng các chất dinh dưỡng tương tự nhau thì chỉ được khảo nghiệm những loại phân bón có mức chênh lệch tối thiểu về hàm lượng một (01) yếu tố dinh dưỡng quy định tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Hồ sơ đăng ký khảo nghiệm

Tổ chức, cá nhân có phân bón khảo nghiệm nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ về Cục Trồng trọt, hồ sơ gồm:

1. Đơn đăng ký khảo nghiệm theo mẫu tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

2. Tờ khai kỹ thuật theo mẫu quy định tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này;

3. Hợp đồng khảo nghiệm còn hiệu lực giữa tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm với đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón được Cục Trồng trọt chỉ định theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này;

4. Đề cương khảo nghiệm do đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón xây dựng và thông qua Hội đồng Khoa học công nghệ cơ sở được thành lập theo quy định của Quyết định số 36/2006/QĐ-BNN ngày 15 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế quản lý đề tài, dự án khoa học công nghệ;

5. Phiếu tra cứu nhãn hiệu hàng hóa của Cục Sở hữu Trí tuệ hoặc Bản cam kết của tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm khẳng định tên phân bón đăng ký khảo nghiệm không trùng với bất kỳ tên phân bón có trong Danh mục phân bón hoặc nhãn hiệu hàng hóa đã được bảo hộ;

6. Bản sao công chứng Giấy phép Đầu tư hoặc Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh còn hiệu lực pháp lý đối với tổ chức sản xuất, kinh doanh phân bón hoặc bản sao Chứng minh thư nhân dân đối với cá nhân đăng ký.

Điều 7. Cấp Chứng nhận đăng ký khảo nghiệm phân bón

1. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký, Cục Trồng trọt thẩm định hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì cấp Chứng nhận đăng ký khảo nghiệm phân bón theo mẫu tại Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư này và thu lệ phí đăng ký khảo nghiệm theo quy định (nếu có).

2. Trường hợp hồ sơ đăng ký chưa hợp lệ, trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Trồng trọt thông báo cho tổ chức, cá nhân những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

3. Sau sáu (06) tháng kể từ ngày cấp Chứng nhận đăng ký khảo nghiệm phân bón mà không thực hiện khảo nghiệm thì Chứng nhận đăng ký khảo nghiệm phân bón được cấp không còn hiệu lực. Tổ chức cá nhân muốn tiếp tục khảo nghiệm phải đăng ký lại với Cục Trồng trọt, hồ sơ đăng ký khảo nghiệm như hồ sơ đăng ký lần đầu quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

Điều 8. Đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón

1. Tổ chức được chỉ định là đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón phải có đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 của Điều này và phải được Cục trưởng Cục Trồng trọt quyết định chỉ định là đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón.

2. Điều kiện được chỉ định là đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón

a) Có chức năng, nhiệm vụ khảo nghiệm hoặc nghiên cứu về phân bón được thể hiện trong quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền hoặc trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh còn hiệu lực pháp lý;

b) Về nhân lực: có từ năm (05) cán bộ kỹ thuật có trình độ đại học trở lên, trong đó có ít nhất hai (02) cán bộ ngành nông học, còn lại thuộc các ngành có liên quan như: hóa học, sinh học, môi trường. Yêu cầu các cán bộ kỹ thuật đã có tối thiểu hai (02) năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực khảo nghiệm hoặc nghiên cứu về phân bón;

c) Có đủ điều kiện về văn phòng làm việc, hệ thống quản lý tài liệu thí nghiệm;

d) Có diện tích đất để bố trí thí nghiệm khảo nghiệm trên đồng ruộng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại các văn bản sau:

- 10TCN 216-2003: Quy phạm khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực của các loại phân bón đối với năng suất cây trồng, phẩm chất nông sản;

- 10TCN 766-2006: Quy phạm khảo nghiệm trên đồng ruộng hiệu lực phân bón đối với cây lúa;

- 10TCN 894-2006: Quy phạm khảo nghiệm hiệu lực phân bón đối với nhóm rau ăn lá;

Trường hợp không đủ diện tích đất khảo nghiệm theo quy định nêu trên thì phải có Hợp đồng thuê đất còn hiệu lực để khảo nghiệm.

đ) Có phòng phân tích chất lượng phân bón được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc chỉ định hoặc có Hợp đồng còn hiệu lực với phòng phân tích chất lượng phân bón được công nhận hoặc chỉ định để kiểm tra chất lượng phân bón và các chỉ tiêu liên quan đến nội dung khảo nghiệm phân bón.

3. Trình tự, thủ tục chỉ định đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón

a) Hồ sơ đăng ký:

Tổ chức đăng ký được chỉ định là đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón cần nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ về Cục Trồng trọt, hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị theo mẫu tại Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Tờ khai về điều kiện nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị theo mẫu tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Thẩm định điều kiện của tổ chức đăng ký được chỉ định là đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón:

Sau khi nhận hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc, Cục trưởng Cục Trồng trọt tổ chức Hội đồng thẩm định, đánh giá điều kiện của tổ chức đăng ký được chỉ định. Thời gian thẩm định tối đa là hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày Quyết định thành lập Hội đồng.

Quá trình thẩm định gồm 3 bước:

- Bước 1: Thẩm định hồ sơ đăng ký: căn cứ hồ sơ đăng ký và đối chiếu với các điều kiện quy định tại khoản 2 của Điều này, Hội đồng xem xét và quyết định những nội dung cần thẩm định ở Bước 2;

- Bước 2: Thẩm định thực tế tại tổ chức đăng ký được chỉ định là đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón, tập trung thẩm định về nguồn nhân lực, văn phòng làm việc, hệ thống quản lý tài liệu thí nghiệm, đất đai thí nghiệm, trang thiết bị phân tích đất, phân bón.

Kết thúc Bước 1 và Bước 2, Hội đồng lập biên bản xác nhận các điều kiện, phương tiện hiện có của tổ chức đăng ký.

- Bước 3: Căn cứ biên bản thẩm định qua các Bước 1 và Bước 2, Hội đồng họp, thảo luận để kết luận:

+ Nếu tổ chức đăng ký đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 của Điều này, Hội đồng lập biên bản đề nghị Cục Trồng trọt quyết định chỉ định là đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón;

+ Trường hợp thẩm định thực tế đủ điều kiện, nhưng hồ sơ chưa hoàn thiện theo quy định, Hội đồng lập biên bản ghi rõ các nội dung cần tiếp tục hoàn chỉnh hồ sơ gửi Cục Trồng trọt để kiểm tra, quyết định.

c) Chỉ định đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón:

Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Biên bản của Hội đồng thẩm định:

- Nếu đủ điều kiện theo quy định, Cục trưởng Cục Trồng trọt quyết định chỉ định đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón và thông báo cho:

+ Tổ chức đăng ký được chỉ định là đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón;

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón có trụ sở chính;

+ Trên trang Website của Cục Trồng trọt;

- Nếu đủ điều kiện theo quy định, nhưng hồ sơ chưa hoàn chỉnh, Cục Trồng trọt thông báo cho tổ chức đăng ký những nội dung cần bổ sung hồ sơ theo Biên bản của Hội đồng và xác định rõ thời gian cần hoàn thành. Căn cứ hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh của đơn vị đăng ký, Cục Trồng trọt kiểm tra, quyết định chỉ định hoặc không chỉ định là đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón;

d) Thời hạn của Quyết định chỉ định đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón tối đa năm (05) năm. Trong quá trình thực hiện khảo nghiệm, căn cứ kết quả kiểm tra thực tế, nếu phát hiện đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón không còn đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 của Điều này hoặc vi phạm các quy định về khảo nghiệm, Cục Trồng trọt có văn bản tạm đình chỉ hoặc hủy bỏ hiệu lực của quyết định chỉ định đã cấp.

4. Chỉ định lại đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón

a) Chậm nhất hai (02) tháng trước khi Quyết định chỉ định đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón hết hiệu lực, nếu có nhu cầu chỉ định lại, đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón cần nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ về Cục Trồng trọt, hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị được chỉ định lại theo mẫu tại Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Tờ khai về điều kiện nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị theo mẫu tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện khảo nghiệm phân bón trong lần được chỉ định gần nhất theo mẫu tại Phụ lục số 7 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Trong thời gian mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ, Cục Trồng trọt thẩm định hồ sơ đăng ký, nếu cần thiết thì tổ chức kiểm tra thực tế. Căn cứ kết quả thẩm định, kiểm tra và đối chiếu với các quy định tại khoản 2 Điều này, Cục trưởng Cục Trồng trọt quyết định chỉ định lại hoặc không chỉ định lại đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón.

Điều 9. Thực hiện khảo nghiệm

1. Trước khi tiến hành khảo nghiệm, đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón phải gửi văn bản thông báo với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi thực hiện khảo nghiệm về loại phân bón, địa điểm, thời gian và nội dung khảo nghiệm.

2. Đối tượng cây trồng, loại phân bón, quy mô, thời gian, địa điểm khảo nghiệm thực hiện theo quy định trong Chứng nhận đăng ký khảo nghiệm phân bón được cấp.

3. Nội dung, phương pháp khảo nghiệm

a) Thực hiện theo các Quy phạm khảo nghiệm nêu tại điểm d, khoản 2 Điều 8 của Thông tư này;

b) Đối với các nội dung khảo nghiệm chưa có Quy phạm khảo nghiệm do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón phải lập Đề cương khảo nghiệm, nêu rõ phương pháp khảo nghiệm cho từng nội dung tương ứng.

4. Các chỉ tiêu theo dõi đánh giá trong khảo nghiệm phân bón thực hiện theo Quy phạm khảo nghiệm nêu tại điểm d, khoản 2 Điều 8 và theo quy định tại Phụ lục số 8 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 10. Thay đổi nội dung khảo nghiệm

1. Trong thời gian một (01) tháng kể từ khi nhận được Chứng nhận đăng ký khảo nghiệm phân bón, nếu thay đổi một trong những nội dung đã quy định gồm: tên phân bón, thành phần, hàm lượng các chất dinh dưỡng, địa điểm, loại đất, loại cây trồng khảo nghiệm thì tổ chức, cá nhân được cấp Chứng nhận đăng ký khảo nghiệm phân bón phải gửi văn bản đề nghị thay đổi về Cục Trồng trọt theo mẫu tại Phụ lục số 9 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trong vòng năm (05) ngày làm việc, Cục Trồng trọt thẩm định, nếu hợp lệ thì chấp nhận sự thay đổi bằng văn bản và gửi cho:

- a) Tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm;
- b) Đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón;
- c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi tiến hành khảo nghiệm.

3. Quá một (01) tháng kể từ ngày cấp Chứng nhận đăng ký khảo nghiệm phân bón, nếu thay đổi nội dung khảo nghiệm thì phải làm thủ tục đăng ký khảo nghiệm lại từ đầu.

4. Nếu tổ chức, cá nhân được cấp Chứng nhận đăng ký khảo nghiệm phân bón đề nghị chuyển quyền đăng ký khảo nghiệm phân bón cho một (01) tổ chức hoặc cá nhân khác, thì tổ chức, cá nhân được cấp Chứng nhận đăng ký khảo nghiệm phân bón phải nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ về Cục Trồng trọt, hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị thay đổi nội dung khảo nghiệm phân bón theo mẫu tại Phụ lục số 9 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản chính hoặc bản sao công chứng Biên bản thỏa thuận chuyển giao quyền đăng ký khảo nghiệm giữa đại diện hợp pháp của tổ chức, cá nhân được cấp

Chứng nhận đăng ký khảo nghiệm phân bón và tổ chức, cá nhân mới nhận đăng ký khảo nghiệm;

c) Bản chính hoặc bản sao công chứng Hợp đồng giữa đại diện hợp pháp của tổ chức, cá nhân mới nhận đăng ký khảo nghiệm với đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón, nếu đề nghị thay đổi đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón khác với đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón có tên trong Chứng nhận đăng ký khảo nghiệm phân bón;

d) Trong vòng năm (05) ngày làm việc, Cục Trồng trọt thẩm định hồ sơ, nếu hợp lệ thì gửi văn bản chấp nhận thay đổi nội dung Chứng nhận đăng ký khảo nghiệm phân bón cho các tổ chức, cá nhân có liên quan. Trường hợp hồ sơ đăng ký chưa hợp lệ, trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Trồng trọt thông báo cho tổ chức, cá nhân những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Điều 11. Kiểm tra hoạt động khảo nghiệm phân bón

1. Phương thức kiểm tra

a) Kiểm tra định kỳ:

Trong thời gian khảo nghiệm, Cục Trồng trọt định kỳ kiểm tra tối thiểu mỗi năm một (01) lần và tối đa hai (02) lần đối với một (01) đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón. Trước khi kiểm tra ít nhất 15 ngày, Cục thông báo bằng văn bản cho đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón cần kiểm tra về thời gian và nội dung kiểm tra.

b) Kiểm tra đột xuất:

Trường hợp có nghi vấn trong việc thực hiện khảo nghiệm phân bón, Cục Trồng trọt tổ chức kiểm tra đột xuất, không cần báo trước về các nội dung kiểm tra.

2. Trình tự, nội dung kiểm tra

a) Trình tự kiểm tra:

- Thành lập đoàn kiểm tra hoạt động khảo nghiệm phân bón do Cục trưởng Cục Trồng trọt quyết định. Thành phần đoàn kiểm tra gồm đại diện của: Cục Trồng trọt, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi khảo nghiệm hoặc đại diện chính quyền địa phương cấp huyện, xã nơi thực hiện khảo nghiệm phân bón;

- Tổ chức kiểm tra các nội dung quy định tại điểm b khoản 2 của Điều này, lập Biên bản kiểm tra;

b) Nội dung kiểm tra:

- Kiểm tra các điều kiện thực tế của đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư này;

- Căn cứ Chứng nhận đăng ký khảo nghiệm phân bón đã cấp, kiểm tra các nội dung sau:

- + Địa điểm khảo nghiệm
- + Thời gian khảo nghiệm
- + Loại phân bón khảo nghiệm
- + Loại cây trồng khảo nghiệm
- + Quy trình khảo nghiệm, việc bố trí các công thức thí nghiệm
- + Sổ sách, tài liệu theo dõi thí nghiệm

- Lập Biên bản kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư này.

- Kết thúc đợt kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra lập báo cáo kết quả kiểm tra và đề xuất, kiến nghị với Cục Trồng trọt và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón tiến hành khảo nghiệm về biện pháp xử lý vi phạm, thời gian và biện pháp khắc phục (nếu có) đối với đơn vị được kiểm tra.

c) Xử lý vi phạm và khắc phục sau kiểm tra

- Căn cứ vào báo cáo của Đoàn kiểm tra và căn cứ vào quy định của Nghị định số 15/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động sản xuất, kinh doanh phân bón, Cục trưởng Cục Trồng trọt quyết định xử lý vi phạm và yêu cầu khắc phục các nội dung vi phạm, nêu rõ thời hạn khắc phục vi phạm;

- Những nội dung vi phạm sau khi khắc phục phải được báo cáo bằng văn bản gửi về Cục Trồng trọt theo đúng thời gian quy định, nếu cần thiết Cục trưởng Cục Trồng trọt cử đoàn kiểm tra đánh giá lại kết quả các nội dung vi phạm đã được khắc phục;

- Hồ sơ kiểm tra thực hiện hoạt động khảo nghiệm phân bón được lưu giữ tại Cục Trồng trọt và được đưa vào hồ sơ thẩm định công nhận phân bón mới.

Điều 12. Thẩm định kết quả khảo nghiệm

1. Hồ sơ đề nghị thẩm định và công nhận phân bón mới

Sau khi kết thúc khảo nghiệm, tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm phân bón cần nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ đề nghị thẩm định và công nhận phân bón mới về Cục Trồng trọt, hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị thẩm định và công nhận phân bón mới theo mẫu tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo kết quả khảo nghiệm viết theo mẫu quy định của Quy phạm khảo nghiệm phân bón nêu tại điểm d, khoản 2 Điều 8, bao gồm các chỉ tiêu theo dõi, đánh giá quy định tại Phụ lục số 8 ban hành kèm theo Thông tư này, có dấu và chữ ký của Thủ trưởng đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón;

c) Văn bản xác nhận của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc chính quyền địa phương cấp huyện hoặc xã về quá trình khảo nghiệm tại địa phương;

d) Báo cáo giải trình và tài liệu chứng minh đã khắc phục các thiếu sót, vi phạm của đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón theo Biên bản kiểm tra thực hiện khảo nghiệm phân bón và quyết định xử lý vi phạm (nếu có) của cơ quan có thẩm quyền.

2. Tổ chức thẩm định kết quả khảo nghiệm

a) Chậm nhất năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 của Điều này, Cục Trồng trọt thành lập Hội đồng thẩm định kết quả khảo nghiệm phân bón mới;

b) Chậm nhất mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày Cục Trồng trọt ban hành Quyết định thành lập, Hội đồng thẩm định tiến hành họp để thẩm định, đánh giá kết quả khảo nghiệm phân bón mới và gửi Biên bản thẩm định về Cục Trồng trọt;

c) Chậm nhất ba (03) ngày làm việc kể từ khi kết thúc Hội đồng thẩm định, Cục Trồng trọt thông báo Biên bản kết luận của Hội đồng thẩm định cho đơn vị đăng ký khảo nghiệm phân bón về nội dung cần chỉnh sửa báo cáo kết quả khảo nghiệm và hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị công nhận phân bón mới.

Điều 13. Công nhận phân bón mới

1. Chậm nhất hai mươi (20) ngày làm việc, sau khi nhận được Biên bản của Hội đồng Thẩm định, tổ chức cá nhân đăng ký khảo nghiệm phân bón phải hoàn thiện báo cáo chính thức kết quả khảo nghiệm và các hồ sơ đề nghị công nhận phân bón mới theo quy định gửi về Cục Trồng trọt.

2. Chậm nhất năm (05) ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo chính thức đã hoàn chỉnh và các hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cục trưởng Cục Trồng trọt ban hành quyết định công nhận phân bón mới.

Chương III ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN PHÂN BÓN

Điều 14. Nguyên tắc đặt tên phân bón mới

1. Mỗi loại phân bón khi được đưa vào Danh mục phân bón chỉ có một tên gọi duy nhất phù hợp theo quy định tại Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 8

năm 2006 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; Thông tư số 09/2007/TT-BKHHCN ngày 06 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và theo quy định của Thông tư này.

2. Các kiểu đặt tên dưới đây không được chấp nhận:

- a) Chỉ bao gồm bằng các chữ số;
- b) Vi phạm đạo đức xã hội;
- c) Trùng hoặc tương tự tới mức gây nhầm lẫn với tên được ghi trên nhãn hiệu hàng hóa phân bón khác đang được bảo hộ;
- d) Gây hiểu lầm với bản chất, công dụng của phân bón;
- đ) Phân bón sản xuất để sử dụng ở Việt Nam nhưng đặt tên hoàn toàn bằng tiếng nước ngoài, trừ các loại phân bón sản xuất ở Việt Nam chỉ để xuất khẩu hoặc sản xuất theo hợp đồng với đối tác nước ngoài.

3. Đối với phân bón nhập khẩu có tên ghi bằng tiếng nước ngoài, nếu muốn ghi kèm theo tên bằng tiếng Việt thì tên tiếng Việt phải theo quy định tại khoản 1, khoản 2 của Điều này.

Điều 15. Trình tự đăng ký tên phân bón mới

1. Tổ chức, cá nhân phải đăng ký tên phân bón mới cùng với hồ sơ đăng ký khảo nghiệm (đối với phân bón phải khảo nghiệm) hoặc cùng với hồ sơ đăng ký vào Danh mục phân bón;

2. Cục Trồng trọt thẩm định tên phân bón mới, trường hợp không phù hợp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 của Thông tư này, thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký để thay đổi tên khác cho phù hợp;

3. Tên chính thức của phân bón mới là tên được ghi trong Quyết định công nhận loại phân bón đó (đối với phân bón phải khảo nghiệm) hoặc tên được ghi trong Danh mục phân bón.

Điều 16. Đổi tên phân bón

1. Trong quá trình sản xuất, kinh doanh và sử dụng, tổ chức, cá nhân được quyền đổi tên phân bón.

2. Điều kiện đổi tên phân bón

a) Chỉ áp dụng đổi với các loại phân bón đang khảo nghiệm hoặc phân bón đã có trong Danh mục phân bón khi thực hiện hợp đồng chuyển nhượng hoặc chuyển giao công nghệ toàn phần;

b) Tên phân bón thay thế tên cũ phải theo quy định tại Điều 14 của Thông tư này.

3. Thủ tục đổi tên phân bón

Tổ chức, cá nhân có phân bón đăng ký đổi tên phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 của Thông tư này nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ về Cục Trồng trọt, hồ sơ gồm:

a) Đơn đăng ký đổi tên phân bón theo mẫu tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản cam kết tên phân bón được đổi không trùng với tên các loại phân có trong Danh mục phân bón hoặc tên ghi trên nhãn hiệu hàng hóa phân bón khác đang được bảo hộ;

c) Bản chính hoặc bản sao công chứng Hợp đồng chuyển nhượng hoặc chuyển giao công nghệ toàn phần còn hiệu lực giữa các bên;

d) Cục Trồng trọt tiếp nhận và thẩm định, trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đăng ký về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận tên phân bón đề nghị đổi. Nếu việc đổi tên phân bón hợp lệ, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều chỉnh tên của loại phân bón tương ứng trong Danh mục phân bón.

Thời gian thẩm định, giải quyết trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ hợp lệ, trong đó:

- Thời gian nhận và rà soát hồ sơ tối đa hai (02) ngày;
- Thời gian thẩm định và trả lời tối đa là năm (05) ngày.

Chương IV **PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 17. Trách nhiệm của Cục Trồng trọt

1. Thẩm định hồ sơ đăng ký khảo nghiệm, cấp và thu hồi Chứng nhận đăng ký khảo nghiệm phân bón.

2. Tổ chức thẩm định và quyết định chỉ định đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón; kiểm tra hoạt động của đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón.

3. Tổ chức Hội đồng thẩm định kết quả khảo nghiệm phân bón mới.

4. Quyết định công nhận phân bón mới để trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung vào Danh mục phân bón.

5. Thẩm định hồ sơ đăng ký đổi tên phân bón để trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều chỉnh tên phân bón có trong Danh mục phân bón.

6. Tổ chức kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý các vi phạm trong khảo nghiệm, đặt tên, đổi tên phân bón.

Điều 18. Trách nhiệm của Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường

1. Tổng hợp trình Bộ kế hoạch nghiên cứu khoa học và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật về phân bón.

2. Tổng hợp trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kế hoạch xây dựng mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ tiêu chuẩn quốc gia về phân bón để gửi Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, công bố.

3. Phối hợp với Cục Trồng trọt tổ chức thẩm định, công nhận phân bón mới hoặc biện pháp kỹ thuật mới trong lĩnh vực phân bón.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với Cục trồng trọt kiểm tra, xử lý vi phạm đối với hoạt động khảo nghiệm phân bón mới tại địa phương.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã

Theo dõi, xác nhận hoạt động khảo nghiệm phân bón mới tại địa phương.

Điều 21. Trách nhiệm của đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón

1. Thực hiện khảo nghiệm phân bón theo quy định tại Điều 9 của Thông tư này, theo đúng nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký khảo nghiệm và hợp đồng đã ký với tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm phân bón.

2. Báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chính quyền cấp huyện cấp xã nơi tiến hành khảo nghiệm về thời gian, địa điểm, loại phân bón và đối tượng cây trồng khảo nghiệm.

3. Kết thúc khảo nghiệm, lập báo cáo kết quả khảo nghiệm phân bón, phối hợp với tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm phân bón hoàn thiện báo cáo và hồ sơ đề nghị công nhận phân bón gửi về Cục Trồng trọt theo thời gian quy định tại Điều 12 Thông tư này.

Điều 22. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm phân bón

1. Phải thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung của Thông tư này và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Phối hợp chặt chẽ với Đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón hoàn thiện báo cáo kết quả khảo nghiệm và hồ sơ đề nghị công nhận phân bón mới theo quy định.

3. Thanh toán các lệ phí đăng ký khảo nghiệm, đăng ký đổi tên phân bón (nếu có) theo quy định của pháp luật; chi trả phí khảo nghiệm phân bón theo hợp đồng với đơn vị thực hiện khảo nghiệm.

Điều 23. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về khảo nghiệm, công nhận và đặt tên phân bón thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của Nghị định số 15/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động sản xuất, kinh doanh phân bón.

2. Cục Trưởng Cục Trồng trọt Quyết định biện pháp tạm đình chỉ hoạt động hoặc hủy bỏ hiệu lực của Quyết định chỉ định đối với đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón có hành vi vi phạm.

Điều 24. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 129/2008/QĐ-BNN ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy định khảo nghiệm, công nhận và đặt tên phân bón mới.

Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp

Các loại phân bón đã được cấp Chứng nhận đăng ký khảo nghiệm hoặc đã nộp hồ sơ đăng ký đổi tên trước ngày Thông tư này có hiệu lực tiếp tục được khảo nghiệm và xem xét công nhận theo Quyết định số 129/2008/QĐ-BNN ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành Quy định khảo nghiệm, công nhận và đặt tên phân bón mới./.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Bùi Bá Bổng

Phụ lục số 1**QUY ĐỊNH MỨC CHÊNH LỆCH TỐI THIỂU VỀ HÀM LƯỢNG CÁC CHẤT DINH DƯỠNG CỦA PHÂN BÓN MỚI ĐƯỢC KHẢO NGHIỆM SO VỚI PHÂN BÓN CÙNG LOẠI ĐÃ CÓ TRONG DANH MỤC PHÂN BÓN HOẶC CÙNG MỘT (01) ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ KHẢO NGHIỆM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2010/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Loại phân bón	Yếu tố dinh dưỡng có trong phân bón	Mức chênh lệch tối thiểu cho một (01) yếu tố dinh dưỡng	Ví dụ	
				Phân bón đã có trong Danh mục phân bón hoặc phân bón của cùng một (01) đơn vị đăng ký khảo nghiệm	Phân bón mới được khảo nghiệm
1	Phân bón rễ				
1.1	Phân hữu cơ, hữu cơ sinh học, hữu cơ khoáng, hữu cơ vi sinh	Hữu cơ tổng số (%)	5 đơn vị	20	15 hoặc 25
1.2	Phân hữu cơ khoáng, hữu cơ sinh học có chứa dinh dưỡng đa lượng (%)	N, P ₂ O ₅ hữu hiệu và K ₂ O hữu hiệu	1 đơn vị	3-3-3	2-3-3 hoặc 4-3-3; 3-2-3; 3-4-3; 3-3-2; 3-3-4
1.3	Phân hữu cơ, hữu cơ sinh học, hữu cơ khoáng, hữu cơ vi sinh có chứa dinh dưỡng trung lượng (%)	Ca, Mg, S và SiO ₂ hữu hiệu	0,5 đơn vị	3	2,5 hoặc 3,5

STT	Loại phân bón	Yếu tố dinh dưỡng có trong phân bón	Mức chênh lệch tối thiểu cho một (01) yếu tố dinh dưỡng	Ví dụ	
				Phân bón đã có trong Danh mục phân bón hoặc phân bón của cùng một (01) đơn vị đăng ký khảo nghiệm	Phân bón mới được khảo nghiệm
1.4	Phân vi sinh vật, hữu cơ vi sinh	Chủng vi sinh vật	thêm hoặc giảm chủng loại vi sinh vật	Azotobacter sp Bacillus sp	Azotobacter sp Bacillus sp Tricoderma sp
1.5	Phân hữu cơ sinh học	Axít humic (%)	1 đơn vị	2,5	3,5
		Tổng các hoạt chất sinh học (%)	1 đơn vị	2,0	3,0
1.6	Phân hữu cơ, hữu cơ sinh học, hữu cơ khoáng, hữu cơ vi sinh	Tổng các hoạt chất sinh học (%)	1 đơn vị	2,0	3,0
2	Phân bón lá thể rắn				
2.1	Có chứa dinh dưỡng đa lượng (%)	N, P ₂ O ₅ hữu hiệu và K ₂ O hữu hiệu	5 đơn vị	16-16-8	11-16-8 hoặc 16-11-8; 16-16-3; 21-16-8; 16-21-8; 16-16-13...
2.2	Có chứa dinh dưỡng trung lượng (%)	Ca, Mg, S và SiO ₂ hữu hiệu	1 đơn vị	3	2 hoặc 4

STT	Loại phân bón	Yếu tố dinh dưỡng có trong phân bón	Mức chênh lệch tối thiểu cho một (01) yếu tố dinh dưỡng	Ví dụ	
				Phân bón đã có trong Danh mục phân bón hoặc phân bón của cùng một (01) đơn vị đăng ký khảo nghiệm	Phân bón mới được khảo nghiệm
2.3	Có chứa dinh dưỡng vi lượng (g/kg hoặc ppm)	Fe, Zn, Cu, B, Mo, Mn, Co	30%	1000	1300 hoặc 700
2.4	Có chứa axit humic (%)	Axit humic	1 đơn vị	2,5	3,5
2.5	Có chứa hoạt chất sinh học (%)	Tổng các hoạt chất sinh học	1 đơn vị	2,0	3,0
3	Phân bón lá dạng lỏng				
3.1	Có chứa dinh dưỡng đa lượng (%)	N, P ₂ O ₅ hữu hiệu và K ₂ O hữu hiệu	2 đơn vị	16-16-8	14-16-8 hoặc 16-14-8; 16-16-6; 18-16-8; 16-18-8; 16-16-10...
3.2	Có chứa dinh dưỡng trung lượng (%)	Ca, Mg, S và SiO ₂ hữu hiệu	0,5 đơn vị	3	2,5 hoặc 3,5
3.3	Có chứa dinh dưỡng vi lượng (g/kg hoặc ppm)	Fe, Zn, Cu, B, Mo, Mn, Co	30%	100	130 hoặc 70
3.4	Có chứa axit humic (%)	Axit humic	1 đơn vị	2,5	3,5
3.5	Có chứa hoạt chất sinh học (%)	Tổng các hoạt chất sinh học	1 đơn vị	2,0	3,0

6. Dự kiến thời gian khảo nghiệm (Estimated time for testing): từ ngày (date) // đến ngày (date) //

7. Đề xuất đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón (Name of organization for testing):

8. Các tài liệu nộp kèm theo (Materials attached):

....., ngày (date)..... tháng (month)..... năm.... (year)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Organization/individual of registration)

Ký tên (signed), đóng dấu (sealed)

Phụ lục số 3
MẪU TỜ KHAI KỸ THUẬT PHÂN BÓN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2010/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TỜ KHAI KỸ THUẬT
Technical Declaration
(Đối với phân bón đăng ký khảo nghiệm, nhập khẩu)
(For fertilizer registered to test, import)

I. Những thông tin chung về phân bón (General information on fertilizer):

1. Tên phân bón, tên thương mại (Name of fertilizer, brand name):.....

Tên khác (Other name):.....

2. Nguồn gốc (Origin):

Sản xuất trong nước (Domestic production) Nhập khẩu (Import)

Nước sản xuất (Country of production)

3. Loại phân bón (Type of fertilizers)

Vô cơ hóa học (Chemical inorganic) Vô cơ tự nhiên (Natural inorganic)

Hữu cơ (Organic) Hữu cơ khoáng (Mineral organic)

Hữu cơ vi sinh (Microorganic) Hữu cơ sinh học (Bio-organic)

Phân vi sinh (Microorganic fertilizer) Phân bón rễ (Root fertilizer)

Phân bón lá (Forliar Fertilizer) Có bổ sung chất điều tiết sinh trưởng
(Fertilizer with supplementation of growth regulating substance)

Chất cải tạo đất (Soil conditioner) Loại khác (Others):.....

4. Dạng phân bón (Form of fertilizer):

Dạng lỏng (Liquyd) Dạng viên (Tablet) Dạng bột (Powder)

Dạng hạt (Grain) Dạng khác, ghi rõ dạng gì (Others, pecify):.....

5. Màu sắc (Color):..... Mùi phân bón (Odour):.....

6. Bao bì, ghi rõ loại bao bì, khối lượng hoặc dung tích (Packing, specify type of packing, quantity or capacity):.....

7. Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký trên bao bì (Components, contents of substances registered on packing)

Tên phân bón/chỉ tiêu dinh dưỡng (Name of fertilizer/ nutrition criteria)	Đơn vị tính (Unit)	Hàm lượng các chất dinh dưỡng đăng ký trên bao bì, nhãn... (Contents of nutrients registered on packing)	Phương pháp phân tích (Method of analysis)
Ví dụ (For example): Phân NPK 16-16-8			
N_{ts}	%	16	TCVN 5815-2001
P_2O_{5hh}	%	16	TCVN 5815-2001
K_2O_{hh}	%	8	TCVN 5815-2001
Ví dụ (For example): Supe phot phát đơn			
P_2O_{5hh}	%	16,0	TCVN 4440-2004

8. Hàm lượng các độc tố trong phân bón đối với phân bón hữu cơ; hữu cơ khoáng; hữu cơ vi sinh; hữu cơ sinh học sản xuất từ nguyên liệu là rác thải đô thị, phế thải công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, phế thải chăn nuôi, phân lân nung chảy, phân lân nhập khẩu, DAP (Contents of toxin in fertilizer for organic fertilizer; mineral fertilizer; microorganic; bio-organic made from materials as urban waste, industrial waste, farm product processing, food, breeding waste, fired phosphate, import phosphate, DAP)

Các yếu tố	Đơn vị tính	Hàm lượng	PP phân tích
Thủy ngân (Mercury, Hg)	ppm		
Chì (Lead, Pb)	ppm		
Asen (As)	ppm		
Cadimi (Cd)	ppm		
Biuret trong Urê (Biuret in Urea)	%		
Axit tự do trong supe lân (Free Acid in supe phosphate)	%		
Chất điều tiết sinh trưởng (Growth regulating Substance)	%		
Salmonella	CFU/gam (ml)		

9. Hướng dẫn sử dụng (Instruction for use):

- Liều lượng sử dụng, ghi rõ cho từng loại cây trồng/đơn vị diện tích (Dosage use, specify for each type of plant/unit of land):.....

- Thời gian sử dụng (Time of use):.....

- Phương pháp sử dụng (Method of use):.....

- Các lưu ý khác trong quá trình sử dụng (Other notes during use):.....

10. Các cảnh báo tác động xấu đến sức khỏe, môi trường (Warnings of negative impacts on health, environment):.....

11. Báo cáo khảo nghiệm sơ bộ (nếu có): Thời gian, địa điểm, loại đất, loại cây trồng, tác dụng của loại phân bón đã khảo nghiệm và những hạn chế trong quá trình sử dụng (Preliminary testing report, if any: time, location, type of land, type of plant, effects of tested fertilizer and limits during use).

II. Thông tin về tình hình sản xuất, nhập khẩu và sử dụng loại phân bón khảo nghiệm (Information on situation of production, import and use of tested fertilizer)

1. Phân bón nhập khẩu (Imported fertilizer)

- Tên tổ chức/công ty, quốc gia hoặc vùng lãnh thổ sản xuất phân bón (Name of organization/company, country or territory producing fertilizer):.....

- Tình hình sử dụng ở Quốc gia hoặc vùng lãnh thổ sản xuất phân bón (Use situation in Country or territory producing fertilizer):

Được sử dụng rộng rãi (Widely used)

Được sử dụng hạn chế (Limitedly used)

Loại cây trồng sử dụng trên (Type of plant applied for):.....

Sử dụng trên các loại đất (Type of soil):

Sử dụng vào các giai đoạn nào của cây (Which phases of the plant is it applied):

- Tài liệu gốc bản (Original materials): Tiếng Anh (English)

Tiếng Trung (Chinese) , tiếng khác (Others).....

2. Phân bón sản xuất trong nước (Domestically produced fertilizer)

- Tên cơ sở/Công ty sản xuất, kèm theo địa chỉ (Name of facility/company of production attached to address):

- Địa điểm sản xuất (Production location):

- Sơ đồ quy trình sản xuất kèm theo (Diagram of production process attached)

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin trong tờ khai kỹ thuật này (We commit and take responsibility for accuracy, honesty of information in this technical declaration).

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN XIN ĐĂNG KÝ KHAI BÁO
(Organization/individual of registration)

Ký tên (Signed), đóng dấu (Sealed)

Phụ lục số 4**CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2010/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC TRỒNG TRỌT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../CNKN/TT-ĐPB

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN**CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT**

Chứng nhận: (tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm)

Địa chỉ, điện thoại, Fax, E-mail:

Được khảo nghiệm: (loại phân bón)

Đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón:

Địa chỉ, điện thoại, Fax, E-mail:

HÌNH THỨC KHẢO NGHIỆM

Khảo nghiệm diện hẹp:

+ Khảo nghiệm với cây trồng:

+ Số vụ khảo nghiệm:

+ Loại đất khảo nghiệm:

+ Thời gian khảo nghiệm: *bắt đầu từ tháng..... năm.....*

+ Địa điểm khảo nghiệm:

Khảo nghiệm diện rộng:

+ Khảo nghiệm với cây trồng:

+ Số vụ khảo nghiệm:

+ Loại đất khảo nghiệm:

+ Thời gian khảo nghiệm: bắt đầu từ tháng..... năm.....

+ Địa điểm khảo nghiệm:

• Công tác khảo nghiệm phải tuân thủ Quy phạm khảo nghiệm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, trước khi tiến hành và sau khi kết thúc khảo nghiệm, Đơn vị phải báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc chính quyền cấp huyện hoặc xã nơi tiến hành khảo nghiệm.

• Trong một (01) tháng tính từ ngày cấp Chứng nhận đăng ký khảo nghiệm, nếu có bất kỳ sự thay đổi trong phạm vi Chứng nhận đăng ký được cấp, phải báo cáo và được sự đồng ý bằng văn bản của Cục Trồng trọt.

• Yêu cầu phân tích các chỉ tiêu sau:

Nơi nhận:

CỤC TRƯỞNG

(Ký tên đóng dấu)

Phụ lục số 5**ĐƠN ĐĂNG KÝ ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH LÀ ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2010/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐĂNG KÝ ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH LÀ ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN**

Kính gửi: Cục Trồng trọt

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Họ, tên, chức danh người phụ trách:

Chúng tôi đăng ký được chỉ định là đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón

1. Hình thức đăng ký:

- Đăng ký lần đầu Đăng ký chỉ định lại

2. Đối tượng xin đăng ký khảo nghiệm:

2.1. Loại phân bón:

2.2. Loại cây trồng:

3. Cơ sở cam kết:

- Thực hiện các quy định về công nhận đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón.

- Đáp ứng các yêu cầu của cơ quan đánh giá khi tiến hành đánh giá công nhận

Đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón.

4. Các tài liệu nộp kèm theo:

- Tờ khai về điều kiện nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Báo cáo tóm tắt kết quả khảo nghiệm phân bón (đối với đơn vị chỉ định lại)

....., ngày..... tháng.... năm....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

Ký tên, đóng dấu

Phụ lục số 6
TỜ KHAI VỀ ĐIỀU KIỆN NHÂN LỰC, CƠ SỞ VẬT CHẤT,
TRANG THIẾT BỊ CỦA ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN
KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2010/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI VỀ ĐIỀU KIỆN NHÂN LỰC, CƠ SỞ VẬT CHẤT,
TRANG THIẾT BỊ CỦA ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN
KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

1. Lĩnh vực hoạt động;

- Giấy đăng ký Quyết định thành lập số..... ngày..... tháng.... năm.... được cấp, do Cơ quan cấp.

- Hiệu lực của Giấy đăng ký/Quyết định được cấp đến ngày tháng năm

2. Cán bộ, nhân viên của đơn vị đăng ký

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Công việc được giao hiện nay	Kinh nghiệm trong lĩnh vực khảo nghiệm phân bón	Ghi chú

3. Trang thiết bị:

3.1. Phương tiện đo lường:

Tên phương tiện đo lường	Phạm vi đo/cấp chính xác	Chu kỳ kiểm định/hiệu chuẩn	Ngày kiểm định/hiệu chuẩn lần cuối	Cơ quan kiểm định/hiệu chuẩn	Ghi chú

3.2. Trang thiết bị khác

Tên thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Thông số kỹ thuật của thiết bị	Ghi chú

4. Cơ sở vật chất:

4.1. Diện tích đất: của đơn vị được cấp Hợp đồng thuê lâu dài

Nếu là Hợp đồng thuê đất thì nêu rõ các thông tin sau:

- Số hợp đồng....., ngày..... tháng..... năm..... ký

- Đơn vị cho thuê đất.....

- Thời gian có hiệu lực của Hợp đồng đến ngày..... tháng..... năm.....

4.2. Loại đất:

4.3. Địa điểm:

4.4. Cơ sở vật chất khác:

5. Cơ sở cam kết:

Chúng tôi xin cam kết các nội dung kê khai trên là trung thực, nếu có sai sót chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

PHỤ TRÁCH CƠ SỞ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Phụ lục số 7
BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ THỰC HIỆN
KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2010/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ THỰC HIỆN
KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN

Kính gửi: Cục Trồng trọt

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Họ, tên, chức danh người phụ trách:

Được chỉ định là đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón tại Quyết định số.... ngày... tháng... năm... do Cục trưởng Cục Trồng trọt cấp

Thời hạn Quyết định hết hạn đến ngày..... tháng..... năm.....

Chúng tôi xin báo cáo tóm tắt kết quả khảo nghiệm phân bón trong thời gian được chỉ định là Đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón như sau:

1. Các nội dung và kết quả khảo nghiệm

Nội dung báo cáo	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Năm thứ năm	Tổng số
1. Số Giấy chứng nhận khảo nghiệm phân bón được cấp						
2. Loại phân bón khảo nghiệm được công nhận						
- Hữu cơ						

Nội dung báo cáo	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Năm thứ năm	Tổng số
- Hữu cơ sinh học						
- Hữu cơ vi sinh						
- Hữu cơ khoáng						
- Vi sinh vật						
- Phân bón lá						
- Phân có bổ sung chất điều tiết sinh trưởng						
- Chất cải tạo đất						
- Phân bón đất hiếm						
- Các loại khác						

2. Số lượng phân bón đã khảo nghiệm nhưng không được công nhận....., lý do không được công nhận cho từng loại.

3. Trong quá trình khảo nghiệm, vi phạm quy định khảo nghiệm:

Có Không

Nếu có thì ghi chi tiết: Số lần bị vi phạm.....

- Lỗi vi phạm của từng lần

- Thời gian vi phạm

- Hình thức bị xử lý vi phạm

- Kết quả khắc phục vi phạm.....

4. Cơ sở cam kết:

Các nội dung báo cáo trên đây là trung thực, nếu có sai sót chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

PHỤ TRÁCH CƠ SỞ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Phụ lục số 8**CÁC CHỈ TIÊU PHẢI THEO DÕI ĐỐI VỚI KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2010/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CÁC CHỈ TIÊU PHẢI THEO DÕI ĐỐI VỚI
KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN**

STT	Đối tượng cây trồng/ loại phân khảo nghiệm	Chỉ tiêu phải theo dõi (so sánh với Đối chứng)
1	Các loại rau ăn lá, cây lấy lá, búp (dâu tằm, chè)	<ul style="list-style-type: none"> - Năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất; - Hàm lượng NO₃⁻; - Hiệu quả kinh tế của phân bón mới.
2	Cây lấy thân (mía)	<ul style="list-style-type: none"> - Năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất; - Hàm lượng đường tính theo CCS. - Hiệu quả kinh tế của phân bón mới.
3	Cây lấy mủ (cao su)	<ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ sinh trưởng (chiều cao, đường kính) thân chính đối với cây trong vườn ươm và giai đoạn kiến thiết cơ bản; - Thời gian cho mủ; - Năng suất mủ; - Hiệu quả kinh tế do bón phân.
4	Cây lấy củ, rễ	<ul style="list-style-type: none"> - Năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất; - Hiệu quả kinh tế của phân bón mới.
5	Cây lấy quả	<ul style="list-style-type: none"> - Năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất; - Hàm lượng NO₃⁻; - Hiệu quả kinh tế của phân bón mới.
6	Cây lấy hạt	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian sinh trưởng - Năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất; - Hiệu quả kinh tế của phân bón mới.

STT	Đối tượng cây trồng/ loại phân khảo nghiệm	Chỉ tiêu phải theo dõi (so sánh với Đối chứng)
7	Cây lấy sợi (bông, đay)	<ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ sinh trưởng thân chính; - Thời gian thu hoạch; - Năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất bông, sợi; - Hiệu quả kinh tế của phân bón mới.
8	Các phân bón đặc biệt, phân bón chuyên dùng	<ul style="list-style-type: none"> - Các chỉ tiêu đặc thù tương ứng với tên gọi hoặc thành phần của phân bón khảo nghiệm (ví dụ: phân «tăng cường đậu trái», phải đánh giá tỷ lệ đậu trái, phân «siêu hạ phèn» phải đánh giá mức độ hạ phèn trong đất thí nghiệm loại phân đó...)
9	Chất cải tạo đất	<ul style="list-style-type: none"> - Các chỉ tiêu về lý tính, hóa tính đất trước và sau khảo nghiệm; - Các chỉ tiêu về hệ sinh vật trong đất trước và sau khảo nghiệm.

Nội dung đề nghị (Proposal contents)	Theo chứng nhận Đăng ký khảo nghiệm được cấp (In accordance with the testing registration Certificate issued)	Đề nghị thay đổi mới (Proposal for new change)
3. Loại cây trồng khảo nghiệm (Kind of testing crops)		
4. Loại đất khảo nghiệm (Type of testing soils)		
5. Địa điểm khảo nghiệm (Testing province)		
6. Thời gian khảo nghiệm (Testing time)		
7. Đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón (Testing Organization)		
8. Tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm phân bón (Organization/individual with the fertilizer tested)		
9. Các nội dung khác (Other contents)		

- Lý do thay đổi từng nội dung khảo nghiệm (Reason for changing each testing content):

- Các tài liệu nộp kèm theo (Materials attached):

....., ngày (date)..... tháng (month)..... năm (year).....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ
(Organization/individual of registration)

Ký tên (signed), đóng dấu (sealed)

Phụ lục số 10
BIÊN BẢN KIỂM TRA KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2010/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN

Hôm nay ngày..... tháng..... năm.....

Tại địa điểm: xã..... huyện..... tỉnh (thành phố).....

Tên đơn vị được kiểm tra:

Đại diện đoàn kiểm tra gồm:

Ông (bà)....., trưởng đoàn

Ông (bà).....

Ông (bà).....

Ông (bà).....

Ông (bà).....

Đại diện đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón được kiểm tra gồm:

Ông (bà).....,

Ông (bà).....

Ông (bà).....

Ông (bà).....

Đại diện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm:

Ông (bà).....,

Ông (bà).....

Đại diện địa phương huyện/xã gồm:

Ông (bà).....,

Ông (bà).....

.....

Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra hoạt động khảo nghiệm phân bón với các nội dung sau:

I. Kiểm tra Hồ sơ khảo nghiệm

1. Chứng nhận đăng ký khảo nghiệm số/TT-ĐPB ngày..... tháng..... năm.....

- Loại phân bón khảo nghiệm so với Chứng nhận đăng ký khảo nghiệm:

Đúng quy định Không đúng quy định

Nếu không đúng quy định nêu rõ lý do.....

2. Nhật ký theo dõi thí nghiệm: Có Không có

Nếu có: Ghi chép đầy đủ Ghi chép không đầy đủ

a) Thời gian bố trí thí nghiệm

Ngày... tháng... năm... gieo/cây/trồng đối với loại cây trồng:.....

Ngày... tháng... năm... gieo/cây/trồng đối với loại cây trồng:.....

Ngày... tháng... năm... gieo/cây/trồng đối với loại cây trồng:.....

Ngày... tháng... năm... gieo/cây/trồng đối với loại cây trồng:.....

b) Kế hoạch về thời gian bón phân, liều lượng bón cho từng loại phân bón khảo nghiệm

Có Không có

c) Sơ đồ bố trí thí nghiệm: Có Không có

Nếu có: Đúng quy định Không đúng quy định

Nếu không đúng quy định nêu rõ lý do.....

3. Hợp đồng thuê đất khảo nghiệm (đối với đơn vị không có đất khảo nghiệm):

Có Không có

4. Phiếu phân tích chất lượng phân bón: Có Không có

5. Cán bộ trực tiếp phụ trách thí nghiệm: Có phân công Không phân công

Nếu có phân công: Ghi rõ số người, họ và tên

.....

6. Các tài liệu khác:.....

.....

II. Kiểm tra thực tế tại khu vực thí nghiệm

1. Địa điểm kiểm tra: xã..... huyện..... tỉnh (thành phố).....

2. Thời điểm kiểm tra

- Đối với cây dài ngày đang ở giai đoạn phát triển nào:.....

- Đối với cây ngắn ngày: Vụ khảo nghiệm thứ nhất Vụ khảo nghiệm thứ 2

Cây trồng đang ở giai đoạn phát triển nào:.....

3. Diện tích bố trí thí nghiệm:

a) Tổng diện tích khu thí nghiệm m²

Đúng quy định Không đúng quy định

Nếu không đúng quy định nêu rõ lý do.....

b) Diện tích một ô thí nghiệm diện hẹp m²

Đúng quy định Không đúng quy định

Nếu không đúng quy định nêu rõ lý do.....

c) Diện tích ô thí nghiệm diện rộng..... m²

Đúng quy định Không đúng quy định

Nếu không đúng quy định nêu rõ lý do.....

4. Loại cây trồng thí nghiệm:

Đúng quy định Không đúng quy định

Nếu không đúng quy định nêu rõ lý do.....

5. Loại đất thí nghiệm:

Đúng quy định Không đúng quy định

Nếu không đúng quy định nêu rõ lý do.....

III. Ý kiến đánh giá của đoàn kiểm tra

Những nội dung chưa đúng quy định cần chỉnh sửa hoặc bổ sung

1. Về hồ sơ:

.....

2. Khảo nghiệm trên đồng ruộng

.....

Phụ lục số 11
ĐƠN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH, CÔNG NHẬN KẾT QUẢ
KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2010/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH, CÔNG NHẬN KẾT QUẢ
KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN
(REGISTRATION APPLICATION FOR APPRAISAL AND RECOGNITION
OF RESULTS OF FERTILIZER TESTING)

Kính gửi: Cục Trồng trọt

(To: Department of Crop Production)

- Tên tổ chức, cá nhân đề nghị (Name of organization/individual):

- Địa chỉ (Address):

- Điện thoại (Tel.):

Fax:

E-mail:

Chúng tôi đề nghị thẩm định, công nhận kết quả khảo nghiệm các loại phân bón sau:

(We register to appraise and recognize testing results of following types of fertilizer):

1. Tên và loại phân bón khảo nghiệm (Name and kind of testing fertilizer):

2. Đơn vị thực hiện khảo nghiệm phân bón (Name of organization for testing):

3. Chứng nhận đăng ký khảo nghiệm được cấp số (Registration certificate of testing issued No.):.../CNKN/TT-ĐPB, ngày (date)... tháng (month)... năm (year)...

4. Các tài liệu nộp kèm theo (Materials attached):

- Báo cáo kết quả khảo nghiệm phân bón (Report of testing result of the fertilizer)

- Bản sao Chứng nhận đăng ký khảo nghiệm phân bón (Copy of fertilizer testing registration Certificate)

- Ý kiến xác nhận về quá trình khảo nghiệm tại địa phương (Confirmation on local testing process)

- Biên bản kiểm tra khảo nghiệm phân bón đối với trường hợp có sự kiểm tra theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này (Minutes of fertilizer testing for the case with inspection and supervision as regulated in Article 11 of this Circular)

- Phiếu phân tích chất lượng phân bón (Note for analysing fertilizer quality)

....., ngày (date).... tháng (month).... năm (year)...

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Organization/individual of registration)

Ký tên (signed), đóng dấu (sealed)

Phụ lục số 12**ĐƠN ĐĂNG KÝ ĐỔI TÊN PHÂN BÓN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2010/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ ĐỔI TÊN PHÂN BÓN**(REGISTRATION APPLICATION FOR CHANGING
NAME OF FERTILIZER)**

Kính gửi: Cục Trồng trọt

(To: Department of Crop Production)

- Tên tổ chức, cá nhân đăng ký (Name of organization/individual):

- Địa chỉ (Address):

- Điện thoại (Tel.):

Fax:

E-mail:

Chúng tôi đăng ký đổi tên phân bón sau

(We register to change name of following fertilizer)

1. Tên loại phân bón xin đổi (Name of the fertilizer requyred for change):

2. Thuộc số thứ tự (Belonging to order number):... Trang (Page):... của Quyết định/Thông tư số (of Decision/Circular No.):.../... ngày (date)... tháng (month)... năm (year)... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (by Minister of Agriculture and Rural Development).

3. Tên mới đề nghị đổi (New name proposed for change):

4. Lý do đổi tên (Reason for change):

5. Các tài liệu nộp kèm theo (Materials attached):

- Bản sao Hợp đồng chuyển giao toàn phần công nghệ sản xuất (Copy of Contract for Entire transfer of production Technology)

- Bản sao Hợp đồng chuyển nhượng quyền Sở hữu (Copy of Contract for Transfer of Proprietary Rights)

- Bản cam kết tên phân bón được đổi không trùng với tên các loại phân đã có trong Danh mục phân bón (Commitment on name of the fertilizer does not coincide with name of the fertilizers in the List of Fertilizer) .

....., ngày (date)..... tháng (month)..... năm (year).....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ
(Organization/individual of registration)

Ký tên (signed), đóng dấu (sealed)